

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2012 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Phan Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Phan Văn Chiến	Thành viên
Bà Doãn Thị Mai Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc
--------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Tài

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
 Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3190/2013/BCKT/IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Bông Sen

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2012 của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV
 Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Nam Cường
Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1950/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B01 - CTQ
 Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.824.504.993	28.109.862.355
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.299.339.042	14.612.064.988
1. Tiền	111	V.1	36.253.076	157.903.812
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.263.085.966	14.454.161.176
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V2	1.499.610.800	1.819.108.300
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.809.776.585	3.547.313.576
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(310.165.785)	(1.728.205.276)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		682.735.131	1.600.154.287
1. Phải thu khách hàng	131		-	2.750.000
2. Trả trước cho người bán	132		4.064.300	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	249.864.645	197.758.139
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	428.806.186	1.399.646.148
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.342.820.020	10.078.534.780
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		86.382.583	88.469.169
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		13.256.437.437	9.990.065.611
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		422.084.922	499.414.398
II. Tài sản cố định	220		422.084.922	499.414.398
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	422.084.922	487.864.398
- Nguyên giá	222		906.075.679	906.075.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(483.990.757)	(418.211.281)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	11.550.000
- Nguyên giá	228		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.000.000)	(87.450.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.246.589.915	28.609.276.753

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃUB 01 - CTQ
 Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.974.713.935	1.339.090.345
I. Nợ ngắn hạn	310		1.789.063.510	1.024.912.182
1. Vay ngắn hạn	311	V.7	550.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	272.283.677	483.160.508
6. Chi phí phải trả	316	V.9	28.140.000	26.252.000
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		13.194.294	14.394.294
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		925.445.539	501.105.380
II. Nợ dài hạn	330		185.650.425	314.178.163
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	164.849.519
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	337	V.10	185.650.425	149.328.644
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.271.875.980	27.270.186.408
I. Vốn chủ sở hữu	410		26.271.875.980	27.270.186.408
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.271.875.980	2.270.186.408
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28.246.589.915	28.609.276.753

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		1.351.757.000.000	1.351.757.000.000
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		997.130.000	1.797.750.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	008		997.130.000	1.797.750.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		172.865.185	2.221.813.424
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		76.121.655	343.754.572
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		96.743.530	1.878.058.852
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.11	23.430.515.800	57.647.700.584
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		3.008.814.333	5.710.738.579
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		20.421.701.467	51.936.962.005
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.12	409.639.385	6.688.780.735
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.13	30.947.558	4.418.856



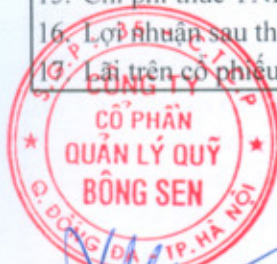
Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Trần Thị Anh Đào
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B02 - CTQ
Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu	01	VI.1	5.199.287.549	7.633.764.388
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		5.199.287.549	7.633.764.388
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.967.709.650	3.148.648.360
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		2.231.577.899	4.485.116.028
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.508.423.327	2.924.261.605
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(254.530.242)	1.282.612.613
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.783.385.294	2.401.297.168
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.211.146.174	3.725.467.852
10. Thu nhập khác	31		3.126.653.022	915.811.559
11. Chi phí khác	32		4.389.000	4.556.854
12. Lợi nhuận khác	40		3.122.264.022	911.254.705
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.333.410.196	4.636.722.557
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	1.331.720.624	1.138.218.307
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.001.689.572	3.498.504.250
17. Lợi nhuận trên cổ phiếu	70		1.601	1.399



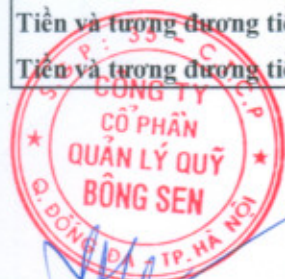
Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Trần Thị Anh Đào
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B03 - CTQ
Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5.569.922.542	7.665.735.346
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(615.000.000)	(1.035.000.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.894.363.568)	(2.235.318.077)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.424.089.266)	(1.041.526.130)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	231.893.172.221	1.425.501.231.633
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(229.407.340.661)	(1.425.427.445.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.122.301.268	3.427.677.768
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	5.000.000
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.440.000.000)	(14.350.832.000)
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.454.972.786	4.975.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.985.027.214)	(9.370.832.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	550.000.000	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.000.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.450.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.312.725.946)	(8.943.154.232)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.612.064.988	23.555.219.220
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.299.339.042	14.612.064.988



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Trần Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B05 - CTQ
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối		1.771.682.158	2.270.186.408	3.498.504.250	3.000.000.000	4.001.689.572	5.000.000.000	2.270.186.408	1.271.875.980
		26.771.682.158	27.270.186.408	3.498.504.250	3.000.000.000	4.001.689.572	5.000.000.000	27.270.186.408	26.271.875.980



Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Trần Thị Anh Đào
 Kế toán trưởng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bông Sen theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 03 năm 2009, giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 01 năm 2012 và giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2012.

Vốn Điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phòng 902 tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10 người. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 11 người).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ : 6 người

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Áp dụng Chuẩn mực

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 5 tháng 9 năm 2011, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 125/2011/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ. Thông tư này thay thế cho Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Chế độ kế toán Công ty quản lý Quỹ và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Công ty đã áp dụng Thông tư số 125/2011/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2012.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ghi nhận các khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính khi giá thị trường cùng thời điểm thấp hơn giá trị đầu tư ghi nhận ban đầu.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán HCM) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Giá trị thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi 03 (ba) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ không được trích lập dự phòng do không đủ căn cứ để đánh giá lại.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

(Số năm)

Thiết bị văn phòng	3
Phương tiện vận tải	10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán với nguyên giá là 99.000.000 đồng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch chứng khoán được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Việc bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	16.297.520	5.764.080
Tiền gửi ngân hàng	19.955.556	152.139.732
Cộng	36.253.076	157.903.812

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị : VND

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	101.718	1.809.776.585	179.775	3.547.313.576
Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá				
<i>DXP</i>	-	-	135	4.338.000
<i>HAG</i>	3	64.800	3	158.000
<i>PAC</i>	43	645.000	48	1.719.100
<i>SHI</i>	20.202	121.212.000	103.362	2.201.412.000
<i>TTF</i>	4	20.800	4	110.876
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	20.252	(310.165.785)	103.552	(1.728.205.276)

3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	219.076.737	193.339.283
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	30.787.908	4.418.856
Cộng	249.864.645	197.758.139

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	428.806.186	1.399.646.148
Cộng	428.806.186	1.399.646.148

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SENPhòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B09 - CTQ***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại 01/01/2012	657.794.711	248.280.968	906.075.679
Tăng trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2012	657.794.711	248.280.968	906.075.679
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2012	169.930.313	248.280.968	418.211.281
Tăng trong năm	65.779.476	-	65.779.476
Tại 31/12/2012	235.709.789	248.280.968	483.990.757
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	487.864.398	-	487.864.398
Tại 31/12/2012	422.084.922	-	422.084.922

6. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ		
Tại 01/01/2012	99.000.000	99.000.000
Tăng trong năm	-	-
Tại 31/12/2012	99.000.000	99.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2012	87.450.000	87.450.000
Tăng trong năm	11.550.000	11.550.000
Tại 31/12/2012	99.000.000	99.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2012	11.550.000	11.550.000
Tại 31/12/2012	-	-

7. Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị : VND

	Lãi suất vay	Tại 01/01/2012	Vay trong năm	Trả trong năm	Tại 31/12/2012
Vay cá nhân					
Vay bà Doãn Thị Mai Hương nhằm bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 26/12/2012 đến 31/01/2013	0%	-	550.000.000	-	550.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	454.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	223.120.836	315.489.478
Thuế thu nhập cá nhân	49.162.841	166.069.304
Các loại thuế khác	-	1.147.180
Cộng	272.283.677	483.160.508

9. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phí kiểm toán	24.750.000	24.750.000
Khác	3.390.000	1.502.000
Cộng	28.140.000	26.252.000

10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	149.328.644	105.320.907
Số bồi thường cho nhà đầu tư trong năm	-	-
Số trích lập trong năm	36.321.781	44.007.737
Số dư cuối năm	185.650.425	149.328.644

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Cổ phiếu niêm yết	3.008.814.333	5.416.738.579
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>		
AAA	-	299.450.000
ACB	166.260.000	25.920.000
CTD	59.400.000	96.300.000
DHG	-	140.000.000
DPM	576.380.000	-
FPT	141.046.400	773.332.000
NTP	-	42.510.000
PET	147.512.500	283.212.000
SBT	144.000.000	-
SHI	54.000	624.555.800
VSC	67.200.000	52.600.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	294.000.000
Cộng	3.008.814.333	5.710.738.579
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Cổ phiếu niêm yết	2.324.919.786	16.586.334.454
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>		
AAA	-	299.450.000
BMP	-	218.400.000
CTD	-	206.400.000
CTG	144.900	106.200
DHG	-	337.680.000
DPM	354.420.000	-
FPT	-	2.965.102.000
HDO	276.000	1.080.560.000
HSG	-	58.100
IMP	-	185.760.000
NTP	-	1.334.160.000
PAC	-	584.561.600
PET	-	590.280.000
PVD	487.500	431.600
PVI	-	199.800.000
SHI	135.972.000	609.748.400
SPM	-	74.575.000
TRA	-	486.411.400
TTF	52.000	52.200
VCB	-	317.408.000
VSC	-	368.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	7.407.760.000	9.525.800.000
<i>Chi tiết cổ phiếu chưa niêm yết bị giảm giá</i>		
MLDBB	-	16.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	10.689.021.681	25.840.827.551
Cộng	20.421.701.467	51.952.962.005

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Phải thu về giao dịch chứng khoán	-	5.580.000.000
Phải thu phí quản lý	175.945.539	501.105.380
Phải thu cổ tức	2.000	109.472.000
Lãi được nhận	233.691.846	498.203.355
Cộng	409.639.385	6.688.780.735

13. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Phải trả thuế	159.650	1.598.660
Phải trả phí quản lý	30.787.908	2.820.196
Cộng	30.947.558	4.418.856

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ (Mã số 01)**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	2.645.132.563	3.006.771.552
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	804.654.986	3.093.992.836
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	1.749.500.000	1.533.000.000
Cộng	5.199.287.549	7.633.764.388

2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán (Mã số 02)

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	1.333.854.825	999.324.180
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.300.312.895	599.594.508
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	333.541.930	1.549.729.672
Cộng	2.967.709.650	3.148.648.360

3. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi	1.497.506.627	2.750.423.084
Lãi đầu tư tài chính	-	26.543.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.916.700	83.849.330
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	63.446.191
Cộng	1.508.423.327	2.924.261.605

4. Chi phí tài chính (Mã số 22)

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.163.509.249	17.246.713
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(1.418.039.491)	1.265.365.900
Cộng	(254.530.242)	1.282.612.613

5. Chi phí thuế thu nhập hiện hành (Mã số 51)

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.331.720.624	1.138.218.307
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.331.720.624	1.138.218.307

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, bộ phận hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán (Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	219.076.737	30.787.908	-	-	249.864.645
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	27.996.725.270
Tổng tài sản hợp nhất	219.076.737	30.787.908	-	-	28.246.589.915
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	159.610.614	951.485.350	-	-	1.111.095.964
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	863.617.971
Tổng nợ phải trả hợp nhất	159.610.614	951.485.350	-	-	1.974.713.935

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2012 đến 31/12/2012)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.645.132.563	804.654.986	1.749.500.000	-	5.199.287.549
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	2.645.132.563	804.654.986	1.749.500.000	-	5.199.287.549
Khấu hao và chi phí phân bổ	2.225.547.472	1.835.328.483	690.218.989	-	4.751.094.944
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	419.585.091	(1.030.673.497)	1.059.281.011	-	448.192.605
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	419.585.091	(1.030.673.497)	1.059.281.011	-	448.192.605
Doanh thu từ các khoản đầu tư					1.508.423.327
Lãi khác					3.122.264.022
Chi phí tài chính					(254.530.242)
Lợi nhuận trước thuế					5.333.410.196
Chi phí thuế TNDN					1.331.720.624
Lãi trong năm					4.001.689.572

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán (Tại ngày ngày 01 tháng 12 năm 2012)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	193.339.283	4.418.856		-	197.758.139
Tài sản không phân bổ	-	-		-	28.411.518.614
Tổng tài sản hợp nhất	193.339.283	4.418.856		-	28.609.276.753
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	126.983.869	525.048.815		-	652.032.684
Nợ phải trả không phân bổ	-	-		-	687.057.661
Tổng nợ phải trả hợp nhất	126.983.869	525.048.815		-	1.339.090.345

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2011 đến 31/12/2011)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.006.771.552	3.093.992.836	1.533.000.000	-	7.633.764.388
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	3.006.771.552	3.093.992.836	1.533.000.000	-	7.633.764.388
Khấu hao và chi phí phân bổ	2.199.972.764	1.319.983.658	2.029.989.106	-	5.549.945.528
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	806.798.788	1.774.009.178	(496.989.106)	-	2.083.818.860
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	806.798.788	1.774.009.178	(496.989.106)	-	2.083.818.860
Doanh thu từ các khoản đầu tư					2.924.261.605
Lãi khác					911.254.705
Chi phí tài chính					1.282.612.613
Lợi nhuận trước thuế					4.636.722.557
Chi phí thuế TNDN					1.138.218.307
Lãi trong năm					3.498.504.250

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

2. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.299.339.042	14.612.064.988	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	428.806.186	1.402.396.148	-	-
Đầu tư ngắn hạn	1.499.610.800	1.819.108.300	-	-
Tổng cộng	14.227.756.028	17.833.569.436	-	-
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	550.000.000	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	-	-
Chi phí phải trả	28.140.000	26.252.000	-	-
Tổng cộng	578.140.000	26.252.000	-	-

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012			
Chi phí phải trả	28.140.000	-	28.140.000
Các khoản vay	550.000.000	-	550.000.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2011			
Chi phí phải trả	26.252.000	-	26.252.000
Các khoản vay	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.299.339.042	-	12.299.339.042
Phải thu khách hàng và phải thu khác	428.806.186	-	428.806.186
Đầu tư tài chính	1.499.610.800	-	1.499.610.800
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.612.064.988	-	14.612.064.988
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.402.396.148	-	1.402.396.148
Đầu tư tài chính	1.819.108.300	-	1.819.108.300

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo


3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán. Một số khoản mục trình bày trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại để phù hợp với thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ.




Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013


Trần Thị Anh Đào
Kế toán trưởng